TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27/01/2023
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Châu
2. Bà Lê Thị Nhanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 653/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/12/2022 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/01/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hồng V, sinh năm 1979 (vắng mặt)
Địa chỉ: 5.15 chung cư P, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Đinh Đức H, sinh năm 1968 (vắng mặt)
Quốc tịch: Việt Nam.
Địa chỉ: 97076, W str: 30, Deutschland, Germany.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2022 và bản tự khai, nguyên đơn - bà Trần Thị Hồng V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đinh Đức H kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 117/KH do Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại CHLB Đức cấp ngày 11/6/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên cuối năm 2019 bà về Việt Nam còn ông H ở tại Đức. Nay nhận thấy thời gian xa cách đã lâu, tình cảm không còn, vợ chồng không thường xuyên liên lạc, mục đích kết hôn không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H .

Về việc nuôi con: Không có.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại Đơn trình bày ý kiến được Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại CHLB Đức chứng thực, bị đơn - ông Đinh Đức Htrình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị Hồng V đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 117/KH do Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại CHLB Đức cấp ngày 11/6/2019. Ông sống tại Đức còn bà V sống ở Việt Nam không muốn qua Đức đoàn tụ, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ năm 2019 đến nay. Nay vợ chồng đã không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của bà Vy.

Về việc nuôi con: Không có.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Bà Trần Thị Hồng V và ông Đinh Đức H có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Ngày 16/11/2022, bà Trần Thị Hồng V khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đinh Đức H. Ông H đang cư trú tại Cộng hòa liên bang Đức, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Trần Thị Hồng V và ông Đinh Đức H có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Hồng V và ông Đinh Đức Htự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 117/KH do Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại CHLB Đức cấp ngày 11/6/2019, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà V và ông H đều thừa nhận thời gian chung sống ngắn, mỗi người sống một nơi từ năm 2019 đến nay, không có điều kiện quan tâm chia sẻ với nhau trong cuộc sống, tình cảm không còn, không có khả năng đoàn tụ. Do đó có cơ sở xác định bà V và

ông H đã không còn tình cảm với nhau, không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, nên căn cứ vào Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà V về việc xin ly hôn với ông H .

- Về việc nuôi con: Không có.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Trần Thị Hồng V phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hồng V.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Hồng V được ly hôn với ông Đinh Đức Hiền.
- Về việc nuôi con: Không có.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Hồng V phải nộp án phí ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0003684 ngày 12/12/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Hồng V đã nộp đủ án phí.

3. Bà Trần Thị Hồng V có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày; ông Đinh Đức H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại CHLB Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (20).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Thanh Bình